

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực
Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 516/TTr-STC ngày 04 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính.

(Có phụ lục I chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phục lục
Thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN A: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
1	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP)	- Điều 6, Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
						phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ					
2.1	Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (<i>Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt</i>)	30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
2.2	Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (<i>Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt</i>)	30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2.3	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (<i>Lập, phê duyệt</i>	30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt)		công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	hợp đã có chữ ký số).	(quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).	31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ					
3.1	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ					
3.1.1	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ	Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định	- Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ;

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác		- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	ký số).	hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP)	- Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.1.2	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1	- Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	5 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP		xã, phường.		Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).	việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.2	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
3.3	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.4	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ;

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
			công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	ký số).		- Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
4	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
						quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
5	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
6	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa					
6.1	Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt)	30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
6.2	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
7	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa					
7.1	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa					

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
7.1.1	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
7.1.2	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
7.2	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ	Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 21 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
			<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	ký số).		BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
7.3	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	15 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
7.4	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
8	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).	Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1320/QĐ-

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.			BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Phục lục II
PHẦN B: NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: “*Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ*”.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2) Tên thủ tục: “*Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ*”.

2.1. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

2.1.1. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng (quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.1.2. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

2.2.1. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án): 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng (quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.2.2. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

2.3.1. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở trung ương lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án): 01 bản chính;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng (quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02D.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.3.2. Lập, phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02D.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3) Tên thủ tục: “Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”.

3.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

3.1.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền..

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.1.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.2. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

a. Trình tự thực hiện:

a 1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP.

b2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản sao;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;
Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.3. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.4. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản sao;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4. Tên thủ tục: “Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư”.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

5. Tên thủ tục: “*Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa*”.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP), cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Điều 38 Nghị định số Nghị định số 99/2026/NĐ-CP) xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh về việc giao tài sản: bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh lập: bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

6) Tên thủ tục: “Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa”.

6.1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt)

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê

quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trình cơ quan, người có thẩm quyền định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt (quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

7) Tên thủ tục: “Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa”.

7.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

7.1.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định (quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số

99/2026/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

7.1.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa từ bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản thuộc bộ, cơ quan trung ương lập hồ sơ đề nghị điều chuyển, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa sang Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản sao;

- Văn bản của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 20 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

7.2. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản sao;

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- d.** Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- đ.** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.
- e.** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g.** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.
- h.** Phí, lệ phí: Không có.
- i.** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.
- k.** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
- l.** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 21 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

7.3. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định

hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

7.4. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ xem xét, quyết định.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

8. Tên thủ tục: “Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư”.

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản sao;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý đường thủy nội địa cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số

12/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 25 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/1/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

Mẫu số 01C

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

....., ngày ... tháng ... năm

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ
DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC
CÔNG TƯ1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo
phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư
theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Số: .../...-ĐATP

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
(*Phương thức: Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi...) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
3. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.
5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP
ĐỀ ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02C

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...-ĐACT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ
(*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản*)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.
2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:
3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.
4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.
5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
LẬP ĐỀ ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02D

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Số: .../...-ĐACN

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ ÁN KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**

(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017” thành “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.
2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.
4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
5. Điều kiện của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường bộ tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
LẬP ĐỀ ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01B

UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

....., ngày... tháng.... năm.....

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ, SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

I. Danh mục tài sản đề nghị xử lý, sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...)	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý ¹ , sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư
					Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng										

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể đề nghị xử lý thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.